

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

97 PHẠM HỮU CHÍ P.12 Q.5

ĐT: 38552354 - FAX: 39550424



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ I NĂM 2019**



NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2019		01/01/2019	
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		116,590,997,461		130,415,903,775	
I . Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6,024,365,142		32,462,303,526	
1. Tiền	111		6,024,365,142		18,462,303,526	
2. Các khoản tương đương tiền	112				14,000,000,000	
II . Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	59,229,903,919		50,596,753,234	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		59,229,903,919		50,596,753,234	
III . Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31,390,636,674		24,618,651,194	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	25,105,717,713		20,962,680,069	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4,396,267,420		3,649,014,710	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	4,103,387,310		2,221,692,184	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(2,214,735,769)		(2,214,735,769)	
IV . Hàng tồn kho	140	V.7	13,966,627,405		16,295,325,787	
Hàng tồn kho	141		13,966,627,405		16,295,325,787	
V . Tài sản ngắn hạn khác	150		5,979,464,321		6,442,870,034	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2,130,295,605		2,213,660,600	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,862,159,499		4,229,209,434	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		987,009,217		-	
B . TÀI SẢN DÀI HẠN	200		286,165,916,285		292,814,137,848	
I . Các khoản phải thu dài hạn	210		13,292,634		13,292,634	
Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	13,292,634		13,292,634	
II . Tài sản cố định	220		222,105,038,864		222,772,919,456	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	220,711,796,584		222,302,125,599	
Nguyên giá	222		737,959,849,414		728,842,790,708	
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(517,248,052,830)		(506,540,665,109)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1,393,242,280		470,793,857	
Nguyên giá	228		6,373,359,666		5,074,186,666	
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4,980,117,386)		(4,603,392,809)	
III . Bất động sản đầu tư	230		-		-	
IV . Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	8,363,230,970		9,690,368,158	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		8,363,230,970		9,690,368,158	
V . Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	8,330,000		8,330,000	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		8,330,000		8,330,000	
VI . Tài sản dài hạn khác	260		55,676,023,817		60,329,227,600	
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	55,676,023,817		60,329,227,600	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		402,756,913,746		423,230,041,623	

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2019	01/01/2019
C . NỢ PHẢI TRẢ	300		187,968,486,954	212,501,383,269
I . Nợ ngắn hạn	310		139,708,317,852	169,862,060,477
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	81,644,688,832	106,546,476,852
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	6,575,047,849	6,259,777,265
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	9,322,944,790	11,757,132,561
4. Phải trả người lao động	314		5,135,712,396	15,936,994,299
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	22,673,108,869	12,090,394,702
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	10,237,345,196	10,254,644,878
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	3,497,610,000	3,737,480,000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	621,859,920	3,279,159,920
II . Nợ dài hạn	330		48,260,169,102	42,639,322,792
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	16,204,624,271	16,371,815,341
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	29,242,698,366	23,454,660,986
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.19	2,812,846,465	2,812,846,465
D . VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		214,788,426,792	210,728,658,354
I . Vốn chủ sở hữu	410	V.20	214,788,426,792	210,728,658,354
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		130,000,000,000	130,000,000,000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>130,000,000,000</i>	<i>130,000,000,000</i>
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		63,849,723,527	63,849,723,527
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20,938,703,265	16,878,934,827
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>16,878,934,827</i>	<i>3,325,468,227</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>4,059,768,438</i>	<i>13,553,466,600</i>
II . Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		402,756,913,746	423,230,041,623

Thành phố Hồ chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2019


 NGUYỄN THỊ KIM LOAN
 Người lập biểu


 VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Kế toán trưởng


 HUỖNH TUẤN ANH
 Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

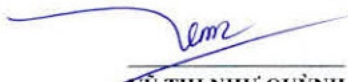
Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	MẪU B 02-DN	
			Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Đơn vị tính: VND
			Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		254,330,750,647	234,690,646,194
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		88,617,403	157,494,334
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	254,242,133,244	234,533,151,860
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	234,130,504,295	225,735,270,371
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20,111,628,949	8,797,881,489
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	249,859,722	142,981,665
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	644,973,105	156,470,636
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>644,973,105</i>	<i>156,470,636</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4,529,075,218	3,645,802,364
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	10,112,101,359	8,173,297,786
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5,075,338,989	(3,034,707,632)
11. Thu nhập khác	31		121,984,707	107,902,931
12. Chi phí khác	32		248,674,572	71,696,260
13. Lợi nhuận khác	40		(126,689,865)	36,206,671
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4,948,649,124	(2,998,500,961)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	888,880,686	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4,059,768,438	(2,998,500,961)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a	312	(231)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10b	312	(231)

Thành phố Hồ chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2019



NGUYỄN THỊ KIM LOAN
Người lập biểu



VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Kế toán trưởng




HUỲNH TUẤN ANH
Giám đốc

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Mẫu B 03-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4,948,649,124	(2,998,500,961)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		11,899,834,697	11,019,367,905
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(249,859,722)	(142,981,665)
- Chi phí lãi vay	06		644,973,105	156,470,636
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17,243,597,204	8,034,355,915
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7,254,342,022)	(2,550,584,818)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2,328,698,382	4,757,513,659
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(18,534,369,713)	15,195,205,450
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4,736,568,778	22,513,670,893
- Tiền lãi vay đã trả	14		(644,973,105)	(156,470,636)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2,631,177,025)	(3,520,826,326)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		50,300,000	110,990,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2,707,600,000)	(2,115,414,326)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7,413,297,501)	42,268,439,811
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(17,037,312,060)	(11,219,990,003)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(34,613,082,192)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		25,979,931,507	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,112,256,982	226,419,165
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(24,558,205,763)	(10,993,570,838)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		6,649,737,380	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1,101,570,000)	(449,879,167)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14,602,500)	(7,610,387)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5,533,564,880	(457,489,554)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(26,437,938,384)	30,817,379,419
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		32,462,303,526	50,360,540,017
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	6,024,365,142	81,177,919,436

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2019


 NGUYỄN THỊ KIM LOAN
 Người lập biểu


 VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Kế toán trưởng


 HUỲNH TUẤN ANH
 Giám đốc



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (tên giao dịch: Cho Lon Wasuco JSC) là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn thuộc Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005924 ngày 16 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất lần thứ nhất ngày 02 tháng 06 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ hai số 0304797806 ngày 16 tháng 05 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Ông Lê Trọng Hiếu thay thế Ông Phạm Mạnh Đức.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ ba số 0304797806 ngày 18 tháng 5 năm 2018, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là Ông Huỳnh Tuấn Anh thay thế Ông Lê Trọng Hiếu

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 223/2010/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với số lượng 13.000.000 cổ phiếu niêm yết tương ứng 130.000.000.000 VND. Ngày 11 tháng 01 năm 2011, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là CLW.

- **Vốn điều lệ** : 130.000.000.000 VND
- Số cổ phiếu : 13.000.000 cổ phiếu
- Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

• Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 97 đường Phạm Hữu Chí, Phường 12, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-08) 3 9552 354
- Fax : (84-08) 3 9550 424
- Mã số thuế : 0 3 0 4 7 9 7 8 0 6

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Ngành, nghề kinh doanh

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ: khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
- Xây dựng công trình cấp nước;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Lập dự án;
- Thẩm tra thiết kế;
- Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;
- Đại lý ký gửi hàng hóa./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính

Công ty hiện đang hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nước sạch phục vụ tiêu dùng và sản xuất, cùng với sự phát triển của hệ thống đô thị, hệ thống hạ tầng kỹ thuật nói chung và hệ thống công trình cấp nước nói riêng từng bước được đầu tư xây dựng đồng bộ nhằm đáp ứng các nhu cầu của xã hội là sự gia tăng về các chi phí lắp đặt hệ thống, mạng lưới cấp nước. Nhằm tuân thủ các quy định tại Nghị định 117/2007/ ND-CP ngày 11 tháng 07 năm 2007 về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, Hàng năm Công ty phát sinh một khoản chi phí gắn mới đồng hồ nước miễn phí cho dân theo kế hoạch của Ủy Ban nhân dân Thành phố mỗi năm là khác nhau. Năm nay Công ty thay đổi thời gian phân bổ chi phí gắn mới đồng hồ nước này từ 3 năm lên 5 năm cho phù hợp với đặc tính kỹ thuật của đồng hồ nước. Việc thay đổi thời gian phân bổ này có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty trong năm nay (Xem thuyết minh số III.2).

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2019 là 455 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 456 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là kỳ kế toán năm thứ 13 của Công ty kể từ ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Thay đổi ước tính kế toán

Căn cứ Thông tư 23/2013/TT-BKHCN về việc quy định đo lường đối với các phương tiện đo nhóm 2, trong đó đồng hồ nước lạnh cơ khí chu kỳ kiểm định là 5 năm. Ban Giám đốc Công ty quyết định thay đổi thời gian phân bổ các chi phí phát sinh liên quan đến việc gắn mới đồng hồ nước từ 3 năm lên 5 năm cho phù hợp với đặc tính kỹ thuật của đồng hồ nước kể từ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu tiền thi công xây dựng các công trình, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013" và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định", cụ thể như sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 – 50
Máy móc thiết bị	05 – 10
Thiết bị văn phòng	03 – 08
Phương tiện vận tải	06 – 10
Phương tiện truyền dẫn	10 – 30

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 2 - 3 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo... tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ)/ chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Tài sản cố định” khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản chi phí mua bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên, chi phí gắn mới và thay thế đồng hồ nước, chi phí cải tạo ống mưng và chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí thay đồng hồ nước định kỳ, chi phí cài tạo ống mục được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.
- Chi phí gắn đồng hồ nước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa văn phòng làm việc, được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: cô tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả bồi thường, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đến hết kỳ tính thuế năm 2008, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009. Năm nay là năm thứ 9 Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/03/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Tiền mặt	21.721.360	15.458.083
Tiền gửi ngân hàng	6.002.643.782	18.446.845.443
Các khoản tương đương tiền (i)		14.000.000.000
Cộng	<u>6.024.365.142</u>	<u>32.462.303.526</u>

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>31/03/2019</u>		<u>01/01/2019</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
a) Ngắn hạn	59.229.903.919	59.229.903.919	50.596.753.234	50.596.753.234
Tiền gửi có kỳ hạn	59.229.903.919	59.229.903.919	50.596.753.234	50.596.753.234
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn (i)	32.429.903.919	32.429.903.919	33.096.753.234	33.096.753.234
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (ii)	26.800.000.000	26.800.000.000	17.500.000.000	17.500.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b) Dài hạn	8.330.000	8.330.000	8.330.000	8.330.000
Các khoản đầu tư khác	8.330.000	8.330.000	8.330.000	8.330.000
Cộng	59.238.233.919	59.238.233.919	50.605.083.234	50.605.083.234

- (i) Khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng với lãi suất 7.1%/ năm
(ii) Khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 5.1 tới 5.4%/ năm

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khách hàng liên quan đến ngành nước	25.105.717.713	(2.214.735.769)	20.962.680.069	(2.214.735.769)
Cộng	25.105.717.713	(2.214.735.769)	20.962.680.069	(2.214.735.769)

Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	14.001.153.096	-	12.951.055.881	-
Cộng	14.001.153.096	-	12.951.055.881	-

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/03/2019	01/01/2019
Công ty TNHH ĐTXD - Cấp Thoát Nước & Môi Trường WASEEN	2.328.944.255	734.715.075
Công ty TNHH MTV Hưng Đại Việt	-	-
Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	-	1.021.211.847
Công Ty TNHH XD BCSN & Đường Ong Hoàng Thăng	-	-
Công ty TNHH MTV Bá Đức	1.221.360.401	1.424.379.997
Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	176.086.107	103.158.207
Các khách hàng khác	669.876.657	365.549.584
Cộng	4.396.267.420	3.649.014.710

Trong đó trả trước người bán là các bên liên quan

Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	176.086.107	103.158.207
Cộng	176.086.107	103.158.207

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Các khoản phải thu khác**

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	4.103.387.310	-	2.221.692.184	-
<i>Phải thu khác là bên liên quan</i>	15.695.000	-	15.695.000	-
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn		-	-	-
Xí nghiệp Truyền Dẫn Nước sạch	15.695.000		15.695.000	
Phải thu khác	4.087.692.310	-	2.205.997.184	-
Phải thu về khoản cho mượn vật tư - Các phòng ban Công ty cổ phần Cấp Nước Chợ Lớn	3.569.542.164	-	882.388.624	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	79.072.514	-	941.469.774	-
Phải thu khác	427.877.632	-	382.138.786	-
Tạm ứng	11.200.000	-	-	-
b) Phải thu dài hạn khác	13.292.634	-	13.292.634	-
Ký quỹ dài hạn	13.292.634	-	13.292.634	-
Cộng	4.116.679.944	-	2.234.984.818	-

6. Nợ xấu

	31/03/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khách hàng	5.041.407.910	2.826.672.141	2.214.735.769	5.041.407.910	2.826.672.141	2.214.735.769
Cộng	5.041.407.910	2.826.672.141	2.214.735.769	5.041.407.910	2.826.672.141	2.214.735.769

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng bán hàng đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm.... theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

7. Hàng tồn kho

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.838.846.160	-	16.167.544.542	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	127.781.245	-	127.781.245	-
Cộng	13.966.627.405	-	16.295.325.787	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

	<u>31/03/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	2.130.295.605	2.213.660.600
Công cụ dụng cụ	1.253.695.601	1.443.860.596
Bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên	876.600.004	769.800.004
b) Chi phí trả trước dài hạn	55.676.023.817	60.329.227.600
Chi phí sửa chữa văn phòng	121.447.420	127.590.081
Gắn đồng hồ nước theo Nghị định 117	42.406.398.451	43.602.581.187
Thay đồng hồ nước	7.385.057.936	9.513.146.861
Chi phí cải tạo ống mục	479.714.115	833.154.405
Lắp đặt màn sáo	3.235.379	12.941.530
Chi phí cải tạo ống mục chống thất thoát nước	4.606.088.334	4.997.114.068
Công cụ dụng cụ	17.760.976	35.521.955
Phần mềm ARCGIS	498.123.853	996.247.708
Xây dựng nhà kho vật tư	158.197.353	210.929.805
Cộng	<u>57.806.319.422</u>	<u>62.542.888.200</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa. vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải. truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2019	29.216.148.586	1.004.708.486	679.856.926.952	18.765.006.684	728.842.790.708
Tăng trong năm	-	32.550.000	10.075.389.145	-	10.107.939.145
Mua trong năm	-	32.550.000	-	-	32.550.000
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	10.075.389.145	-	10.075.389.145
Giảm trong năm	-	-	990.880.439	-	990.880.439
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm nguyên giá theo Quyết toán	-	-	75.317.746	-	75.317.746
Sửa chữa, tu bổ	-	-	915.562.693	-	915.562.693
31/03/2019	29.216.148.586	1.037.258.486	688.941.435.658	18.765.006.684	737.959.849.414
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2019	1.744.608.733	889.171.758	489.441.407.626	14.465.476.992	506.540.665.109
Tăng trong năm	146.382.621	13.536.897	10.753.590.273	609.600.329	11.523.110.120
Khấu hao trong năm	146.382.621	13.536.897	10.753.590.273	609.600.329	11.523.110.120
Giảm trong năm	-	-	815.722.399	-	815.722.399
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm theo Quyết toán	-	-	815.722.399	-	815.722.399
31/03/2019	1.890.991.354	902.708.655	499.379.275.500	15.075.077.321	517.248.052.830
Giá trị còn lại					
01/01/2019	27.471.539.853	115.536.728	190.415.519.326	4.299.529.692	222.302.125.599
31/03/2019	27.325.157.232	134.549.831	189.562.160.158	3.689.929.363	220.711.796.584
Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng, chi tiết:					
01/01/2019	-	801.366.486	279.536.766.250	8.307.711.043	288.645.843.779
31/03/2019	-	801.366.486	284.610.929.248	9.046.742.578	294.459.038.312

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Phần mềm Quản lý</u>	<u>Cộng TSCĐ vô hình</u>
Nguyên giá		
01/01/2019	5.074.186.666	5.074.186.666
Tăng trong năm	1.299.173.000	1.299.173.000
<i>Mua trong năm</i>	<i>1.299.173.000</i>	<i>1.299.173.000</i>
Giảm trong năm	-	-
31/03/2019	6.373.359.666	6.373.359.666
Giá trị hao mòn lũy kế		
01/01/2019	4.603.392.809	4.603.392.809
Tăng trong năm	376.724.577	376.724.577
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>376.724.577</i>	<i>376.724.577</i>
Giảm trong năm	-	-
31/03/2019	4.980.117.386	4.980.117.386
Giá trị còn lại		
01/01/2019	470.793.857	470.793.857
31/03/2019	1.393.242.280	1.393.242.280
Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:		
01/01/2019	3.951.186.666	3.951.186.666
31/03/2019	4.081.186.666	4.081.186.666

11. Tài sản dở dang dài hạn

	<u>31/03/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Xây dựng cơ bản dở dang		
Công trình di dời đường ống	3.428.234.997	3.421.749.270
Công trình chống thất thoát nước	986.897.046	986.897.053
Công trình cải tạo ống mục	(101.373.435)	-
Công trình ống cái	1.181.592.270	1.441.724.098
Phát triển mạng lưới	2.867.880.092	2.820.694.737
Phát triển phần mềm Gis	-	1.019.303.000
Cộng	8.363.230.970	9.690.368.158

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	71.054.954.700	71.054.954.700	95.768.554.632	95.768.554.632
Công ty CP ĐT XD Kỹ Nguyên	2.459.092.721	2.459.092.721	6.409.323.688	6.409.323.688
Công ty CP ĐT XD & TM Thái Bình Dương	719.851.339	719.851.339	74.106.992	74.106.992
Công ty Quản lý CT Giao Thông Sài Gòn	572.315.082	572.315.082	572.315.082	572.315.082
Cty CP TV XD CT Giao Thông Công Chánh	223.677.256	223.677.256	223.677.256	223.677.256
Công ty TNHH KT TM & DV BNS	522.165.300	522.165.300	302.702.500	302.702.500
Công ty TNHH PTP	1.857.735.000	1.857.735.000	-	-
Công ty CP Thiên Đại Phát	1.036.834.204	1.036.834.204	224.776.299	224.776.299
Nhà cung cấp khác	3.198.063.230	3.198.063.230	2.971.020.403	2.971.020.403
Cộng	81.644.688.832	81.644.688.832	106.546.476.852	106.546.476.852

Trong đó phải trả người bán là bên liên quan

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn	71.054.954.700	71.054.954.700	95.768.554.632	95.768.554.632
Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh	223.677.256	223.677.256	223.677.256	223.677.256
Cộng	71.278.631.956	71.278.631.956	95.992.231.888	95.992.231.888

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/03/2019	01/01/2019
Truy thu tiền thất thoát nước	563.053.733	624.679.257
Tạm thu chi phí thiết kế ống ngành	244.393.390	226.393.390
Tiền nước chưa giải trách	5.763.337.925	5.390.542.199
Khu quản lý giao thông đô thị số 1	-	-
Các khách hàng khác	4.262.801	18.162.419
Cộng	6.575.047.849	6.259.777.265

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chỉ tiêu	01/01/2019	Số phải nộp	Số đã nộp	31/03/2019
Thuế Giá trị gia tăng nội địa	656.393.409	-	656.393.409	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.297.663.861	888.880.686	2.631.177.025	(444.632.478)
Thuế thu nhập cá nhân	399.384.651	2.006.698.130	2.948.459.520	(542.376.739)
Tiền nhà đất, tiền thuê đất	-	295.117.200	-	295.117.200
Các loại thuế khác	-	-	-	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí bảo vệ môi trường	9.403.690.640	24.005.939.549	24.381.802.599	9.027.827.590
Cộng	11.757.132.561	27.199.635.565	30.620.832.553	8.335.935.573

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/03/2019	01/01/2019
Trích trước chi phí thuê thực hiện các công trình phát triển mạng lưới ống nước nghiệm thu nhưng chưa quyết toán	641.621.581	6.658.888.973
Trích trước chi phí gắn đồng hồ nước theo Nghị định 117	2.591.162.718	4.284.122.474
Trích trước chi phí thuê tài sản của Tổng Công ty	11.580.315.552	-
Trích trước CP sửa bể, TLMD sửa bể, nâng dờn ĐHN	2.154.047.995	-
Trích trước chi phí gắn Ống cái	-	186.857.932
Thù lao Hội đồng quản trị	216.000.000	345.600.003
Trích trước chênh lệch giá mua si	3.086.108.189	-
Chi phí khác (kinh phí đăng, DV vệ sinh)	2.403.852.834	614.925.320
Cộng	22.673.108.869	12.090.394.702

16. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác	10.237.345.196	10.254.644.878
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	711.572.719	711.572.719
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	70.000.000	70.000.000
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải nộp	9.387.138	9.387.138
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	5.546.189.568	5.547.209.146
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi	264.266.731	27.396.443
Cố tức phải trả cho cổ đông	1.050.576.235	1.065.178.735
Các khoản phải trả khác	2.585.352.805	2.823.900.697
b) Phải trả dài hạn khác	16.204.624.271	16.371.815.341
Phải trả khách hàng đầu tư ống cái gắn đồng hồ nước	16.204.624.271	16.371.815.341
Cộng	26.441.969.467	26.626.460.219
Trong đó phải trả khác là bên liên quan		
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	711.572.719	711.572.719
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	70.000.000	70.000.000
Cộng	781.572.719	781.572.719

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Vay và nợ tài chính**

	01/01/2019		Trong năm		31/03/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	3.737.480.000	3.737.480.000	861.700.000	1.101.570.000	3.497.610.000	3.497.610.000
Vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
Vay dài hạn Ngân hàng NN&PTNT đến hạn trả (i)	3.737.480.000	3.737.480.000	861.700.000	1.101.570.000	3.497.610.000	3.497.610.000
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23.454.660.986	23.454.660.986	6.649.737.380	861.700.000	29.242.698.366	29.242.698.366
Vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	-	-	-	-	-	-
Vay dài hạn Ngân hàng NN&PTNT (i)	23.454.660.986	23.454.660.986	6.649.737.380	861.700.000	29.242.698.366	29.242.698.366
Cộng	27.192.140.986	27.192.140.986	7.511.437.380	1.963.270.000	32.740.308.366	32.740.308.366

(i) Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn :

Hợp đồng tín dụng : Số 6220-LAV-2017.01235/HĐTD ngày 30 ngày 11 tháng 2017.

Số tiền cho vay : 43.800.000.000 VND.

Thời gian cho vay : 8 năm (kể từ ngày giải ngân).

Thời gian ân hạn : 1 năm.

Lãi suất cho vay : 7.5%/ năm trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên, điều chỉnh theo kỳ hạn 6 tháng/ lần hoặc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Kỳ thanh toán nợ gốc : Trả đều hàng quý, cùng kỳ với nợ lãi, quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

Kỳ thanh toán lãi : Ngày 20 hàng quý (20/01, 20/4, 20/7 và 20/10).

Mục đích sử dụng vốn vay : Đầu tư thay mới ống mục trên địa bàn Quận 5, Quận 6, Quận 8 cho 16 dự án đã có Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay là Hệ thống đường ống cấp nước và các tài sản có liên quan do Agribank - Chi nhánh Chợ Lớn tài trợ theo

Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 6220-LCL-2017.01008/HTTL ngày 16/10/2017.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/03/2019
Trong vòng 1 năm	4.599.180.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	23.317.400.000
Sau 5 năm	5.925.298.366
Cộng	33.841.878.366
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(4.599.180.000)
Số phải trả sau 12 tháng	29.242.698.366

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tại ngày 01 tháng 01	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Tăng khác	Tại ngày 31 tháng 03
2018					
Quỹ khen thưởng	1.951.505.657	2.549.870.877	2.926.230.000	113.590.000	1.688.736.534
Quỹ phúc lợi	108.166.828	2.926.340.546	1.518.567.714	-	1.515.939.660
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	92.990.852	302.125.000	320.632.126	-	74.483.726
Cộng	2.152.663.337	5.778.336.423	4.765.429.840	113.590.000	3.279.159.920
2019					
Quỹ khen thưởng	1.688.736.534	-	2.105.600.000	50.000.000	(366.863.466)
Quỹ phúc lợi	1.515.939.660	-	602.000.000	300.000	914.239.660
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	74.483.726	-	-	-	74.483.726
Cộng	3.279.159.920	-	2.707.600.000	50.300.000	621.859.920

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2018	130.000.000.000	63.113.094.929	15.614.965.025	208.728.059.954
Lãi trong năm trước	-	-	13.553.466.600	13.553.466.600
Trích lập các quỹ ĐTPPT –DPTC	-	736.628.598	(736.628.598)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.778.336.423)	(5.778.336.423)
Chia cổ tức trong năm	-	-	(9.100.000.000)	(9.100.000.000)
31/12/2018	130.000.000.000	63.849.723.527	16.878.934.827	210.728.658.354
01/01/2019	130.000.000.000	63.849.723.527	16.878.934.827	210.728.658.354
Lãi trong năm nay	-	-	4.059.768.438	4.059.768.438
Trích lập các quỹ ĐTPPT –DPTC	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-
31/03/2019	130.000.000.000	63.849.723.527	20.938.703.265	214.788.426.792

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 số **0304797806** ngày 18 tháng 05 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp vốn điều lệ của Công ty là 13.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 3		31/03/2019	01/01/2019
	VND	%	VND	VND
Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn	3.000.000.000	2.31	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Á	2.766.520.000	2.13	-	-
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước Tp. HCM	3.005.000.000	2.31	3.005.000.000	3.005.000.000
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	66.304.000.000	51.00	66.304.000.000	66.304.000.000
Ông Lê Huy Hùng	-	-	21.567.900.000	21.567.900.000
Các cổ đông khác	54.924.480.000	42.25	36.123.100.000	36.123.100.000
Cộng	130.000.000.000	100.00	130.000.000.000	130.000.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>31/03/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Quý 1/2019</u>	<u>Quý 1/2018</u>
Doanh thu thuần	254.242.133.244	234.533.151.860
Doanh thu cung cấp nước	250.330.438.222	231.332.298.662
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.911.695.022	3.200.853.198
Cộng	254.242.133.244	234.533.151.860

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 1/2019</u>	<u>Quý 1/2018</u>
Giá vốn cung cấp nước	231.274.126.801	222.492.209.341
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.856.377.494	3.243.061.030
Cộng	234.130.504.295	225.735.270.371

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	240.989.471	130.311.976
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.870.251	12.669.689
Cộng	249.859.722	142.981.665

4. Chi phí tài chính

Lãi tiền vay	644.973.105	156.470.636
Cộng	644.973.105	156.470.636

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

Chi phí nhân viên bán hàng	3.880.192.001	2.421.494.254
Chi phí công cụ, dụng cụ	149.935.981	562.464.691
Chi phí khấu hao	147.275.523	231.703.410
Chi phí bằng tiền khác	351.671.713	430.140.009
Cộng	4.529.075.218	3.645.802.364

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	4.974.459.612	3.792.657.745
Chi phí đồ dùng văn phòng	798.374.628	839.278.061
Chi phí khấu hao	1.132.707.527	987.203.299
Thuế, phí và lệ phí	55.636.030	524.417.897
Thuê đất	295.117.200	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.619.010	132.327.374
Chi phí bằng tiền khác	2.816.187.352	1.897.413.410
Cộng	10.112.101.359	8.173.297.786

7. Lợi nhuận khác

Thu nhập khác	121.984.707	107.902.931
Thu nhập bán hồ sơ mời thầu	909.091	
Thu nhập khách hàng đầu tư ống cái không hoàn lại	110.352.758	94.725.121
Thu nhập khác	10.722.858	13.177.810
Chi phí khác	248.674.572	71.696.260
Chi phí hồ sơ mời thầu	150.000	
Chi phí đầu tư không hoàn vốn ống cái	56.274.762	2.507.379
Chi phí thanh lý tài sản	99.840.294	-
Nộp phạt chậm nộp thuế TNDN 2017 theo BB của Kiểm Toán Nhà Nước	92.367.240	-
Chi phí khác	42.276	69.188.881
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	(126.689.865)	36.206.671

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý 1/2019	Quý 1/2018
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	4.948.649.124	(2.998.500.961)
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch	4.460.650.730	(2.979.010.829)
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	487.998.394	(19.490.132)
Tỷ lệ ưu đãi đầu tư kinh doanh nước sạch	23%	40%
Thu nhập chịu thuế	4.948.649.124	(2.998.500.961)
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch được ưu đãi	1.008.491.387	(1.182.767.443)
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch không được ưu đãi	3.452.159.343	(1.796.243.386)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với hoạt động kinh doanh khác	487.998.394	(19.490.132)
Thuế suất áp dụng		
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	10%	10%
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	888.880.686	-

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ năm 2007.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009. Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đó đến hết kỳ tính thuế năm 2018. Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau : Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009.

Năm 2019 Công ty không còn được hưởng ưu đãi giảm thuế 50% đối với thu nhập từ hoạt động quản lý phát triển hệ thống cấp thoát nước. Chỉ còn được hưởng thuế suất 10%.

Đối với hoạt động khác. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

9. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý 1/2019	Quý 1/2018
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.059.768.438	(2.998.500.961)
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.059.768.438	(2.998.500.961)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	312	(231)

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.059.768.438	(2.998.500.961)
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.059.768.438	(2.998.500.961)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu		
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	4.059.768.438	(2.998.500.961)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm		
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	13.000.000	13.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	312	(231)
10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nước sạch	180.170.169.778	173.347.976.224
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.429.150.315	2.187.743.321
Chi phí nhân công	26.884.531.442	22.066.548.641
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.899.834.697	11.019.367.905
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.619.934.562	12.005.711.948
Chi phí khác bằng tiền	15.768.060.078	16.927.022.482
Cộng	248.771.680.872	237.554.370.521

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	31/03/2019	01/01/2019
Mua sắm/ xây dựng tài sản trong kỳ chưa thanh toán		2.555.816.179
Cổ tức chưa thanh toán	1.050.576.235	1.065.178.735
Lãi vay chưa thanh toán		282.419.687
Lãi tiền gửi còn dự thu	79.072.514	941.469.774

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Lãi tiền gửi ngân hàng còn dự thu cuối kỳ trước đã thu trong kỳ này	862.397.260	83.437.500
Cổ tức năm trước được chi trả trong kỳ này	14.602.500	1.116.623.691
Thanh toán trước tiền mua tài sản cố định	6.841.615.188	6.372.486.740
Mua sắm tài sản cố định năm trước chi trả trong kỳ này	-	322.635.546

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn

Công ty Công trình giao thông Công Chánh

Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước

Xí nghiệp Truyền Dẫn Nước sạch

Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh

Mối quan hệ

Công ty mẹ (nắm giữ 51% vốn Điều lệ)

Công ty cùng tập đoàn

Công ty cùng tập đoàn

Công ty cùng tập đoàn

Công ty cùng tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Quy1/2019</u>	<u>Quy1/2018</u>
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn		
Mua hàng hóa (nước sạch)	177.084.061.589	173.347.976.224
Mua vật tư	-	-
Thuê tài sản hoạt động	-	11.873.384.574
Lãi vay phải trả	-	156.470.636
Phải trả XDCB và TSCĐ	-	-
Phải trả do thu hộ và tiền dịch vụ khác	-	-
Phải thu do chi hộ	-	-
Phải thu cho thuê TSCĐ huyện Bình Chánh	-	-
Phải thu do chuyển nhượng ĐHN huyện Bình Chánh	-	-
Phải thu do cung cấp dịch vụ khác	<u>(175.235.045)</u>	<u>161.999.352</u>
 Công ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước		
Phải trả phí thực hiện công trình XDCB, gia công đồng hồ nước	<u>-</u>	<u>559.344.861</u>
 Xí nghiệp Truyền Dẫn Nước sạch		
Phải thu cung cấp dịch vụ	<u>-</u>	<u>(123.437)</u>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	<u>31/03/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn		
Phải thu thương mại	14.001.153.096	12.951.055.881
Phải thu các khoản chi hộ	-	15.695.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

330
CỘ
P
0

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	31/03/2019	01/01/2019
Phải trả thương mại	(71.054.954.700)	(95.768.554.632)
Phải trả phí thực hiện công trình XD CB	(711.572.719)	(711.572.719)
Phải trả tiền vay	-	(27.192.140.986)
Công ty Công trình giao thông Công Chánh		
Phải trả đặt cọc di dời đường ống	(70.000.000)	(70.000.000)
Phải trả tiền ứng trước cung cấp dịch vụ	-	-
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước		
Ứng trước phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát công trình	176.086.107	103.158.207
Xí nghiệp Truyền Dẫn Nước sạch		
Phải thu khác	-	15.695.000
Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh		
Phải thu khác	223.677.256	223.677.256

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	Quý 1/2019	Quý 1/2018
Tiền lương	405.000.000	439.212.565
Các khoản bảo hiểm phải trả	22.383.900	22.595.435
Cộng	427.383.900	461.808.000

2. Báo cáo theo bộ phận**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động gồm: Bộ phận cung cấp nước sạch và bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch các lĩnh vực còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ, không đáng kể.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (quận 5, quận 6, quận 8, quận Bình Tân).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.16a và V.16b trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>31/03/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Các khoản vay	32.740.308.366	27.192.140.986
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>(6.024.365.142)</u>	<u>(32.462.303.526)</u>
Nợ thuần	26.715.943.224	(5.270.162.540)
Vốn chủ sở hữu	<u>214.788.426.792</u>	<u>210.728.658.354</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,12</u>	<u>(0,03)</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>31/03/2019</u>		<u>01/01/2019</u>	
	<u>Giá trị ghi số</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá trị ghi số</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.024.365.142	6.024.365.142	32.462.303.526	32.462.303.526
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	59.238.233.919	59.238.233.919	50.605.083.234	50.605.083.234
Phải thu của khách hàng	22.890.981.944	22.890.981.944	18.747.944.300	18.747.944.300
Phải thu khác	92.365.148	92.365.148	954.762.408	954.762.408
Cộng	<u>88.245.946.153</u>	<u>88.245.946.153</u>	<u>102.770.093.468</u>	<u>102.770.093.468</u>
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	81.644.688.832	81.644.688.832	106.546.476.852	106.546.476.852
Chi phí phải trả	22.673.108.869	22.673.108.869	12.090.394.702	12.090.394.702
Phải trả khác	26.168.315.598	26.168.315.598	26.589.676.638	26.589.676.638
Các khoản vay	32.740.308.366	32.740.308.366	27.192.140.986	27.192.140.986
Cộng	<u>163.226.421.665</u>	<u>163.226.421.665</u>	<u>172.418.689.178</u>	<u>172.418.689.178</u>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá khác.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Toàn bộ các khoản vay của Công ty là từ Công ty mẹ và các Công ty trong cùng tập đoàn với lãi suất ổn định nên Công ty không có rủi ro về lãi suất.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng..).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
31/03/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.024.365.142	-	-	6.024.365.142
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	59.229.903.919	8.330.000	-	59.238.233.919
Phải thu của khách hàng	22.890.981.944	-	-	22.890.981.944
Phải thu khác	79.072.514	13.292.634	-	92.365.148
Cộng	88.224.323.519	21.622.634	-	88.245.946.153
Phải trả cho người bán	81.644.688.832	-	-	81.644.688.832
Chi phí phải trả	22.673.108.869	-	-	22.673.108.869
Phải trả khác	9.963.691.327	16.204.624.271	-	26.168.315.598
Các khoản vay	3.497.610.000	23.317.400.000	5.925.298.366	32.740.308.366
Cộng	117.779.099.028	39.522.024.271	5.925.298.366	163.226.421.665
Chênh lệch thanh khoản thuần	(29.554.775.509)	(39.500.401.637)	(5.925.298.366)	(74.980.475.512)
01/1/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.462.303.526	-	-	32.462.303.526
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	50.596.753.234	8.330.000	-	50.605.083.234
Phải thu của khách hàng	18.747.944.300	-	-	18.747.944.300
Phải thu khác	941.469.774	13.292.634	-	954.762.408
Cộng	102.748.470.834	21.622.634	-	102.770.093.468
Phải trả cho người bán	106.546.476.852	-	-	106.546.476.852
Chi phí phải trả	12.090.394.702	-	-	12.090.394.702
Phải trả khác	10.217.861.297	16.371.815.341	-	26.589.676.638
Các khoản vay	3.737.480.000	23.454.660.986	-	27.192.140.986
Cộng	132.592.212.851	39.826.476.327	-	172.418.689.178
Chênh lệch thanh khoản thuần	(29.843.742.017)	(39.804.853.693)	-	(69.648.595.710)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2019

NGUYỄN THỊ KIM LOAN
Người lập biểu

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Kế toán trưởng



HUYỄN TUẤN ANH
Giám đốc

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BẢN GIẢI TRÌNH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUÍ I NĂM 2019

Theo báo cáo kết quả kinh doanh quý I năm 2019 của Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Chợ Lớn, những chỉ tiêu có tỷ lệ thay đổi tăng, giảm làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của quý I năm 2019 như sau:

I. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ:

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý I năm 2019	Quý I năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Doanh thu nước và doanh thu cho thuê TSCĐ	250,330,438,222	231,332,298,662	18,998,139,560	108.21%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3,911,695,022	3,200,853,198	710,841,824	122.21%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	254,242,133,244	234,533,151,860	19,708,981,384	108.40%

b. Thuyết minh:

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ quý I năm 2019 tăng so với quý I năm 2018 là 19.708.981.384 đồng, tỷ lệ tăng 108,4% do

1. Doanh thu nước tăng 17.755.283.795 đồng, tỷ lệ tăng 107,68% do:

Doanh thu truy thu quý I năm 2019 thấp hơn năm quý I năm 2018 là 299,125,719 đồng, tỷ lệ giảm 11,83%

Giá bán nước bình quân quý I năm 2019 tăng so với quý I năm 2018 là 251 đồng/m³, tỷ lệ tăng 102,72% làm cho doanh thu tăng 11.834.374.394 đồng,

Sản lượng nước cung cấp quý I năm 2019 tăng so với quý I năm 2018 là 1.249.520 m³, tỷ lệ tăng 105,04% làm cho doanh thu tăng 6.220.035.111 đồng

2. Doanh thu cho thuê TSCĐ huyện Bình Chánh tăng 1.242.855.765 đồng do quý I năm 2019 Công ty hạch toán doanh thu cho thuê TSCĐ vào quý I, năm 2018 hạch toán doanh thu cho thuê TSCĐ vào quý 2/2018

3. Doanh thu cung cấp dịch vụ quý I năm 2019 tăng so với quý I năm 2018 là 710.841.824 đồng, tỷ lệ tăng 122,21%

II. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý I năm 2019	Quý I năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Giá vốn hàng bán nước	231,274,126,800	222,492,209,341	8,781,917,459	103.95%
Giá vốn hàng bán cung cấp dịch vụ	2,856,377,494	3,243,061,030	(386,683,536)	88.08%
Cộng	234,130,504,294	225,735,270,371	8,395,233,923	103.72%

Trong đó chi tiết giá vốn nước:

Chỉ tiêu	Quý I năm 2019	Quý I năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu - nước sạch	180,170,169,778	173,347,976,224	6,822,193,554	103.94%
Chi phí nguyên liệu, vật liệu khác	788,792,152	393,196,772	395,595,380	200.61%
Chi phí nhân công	18,029,879,829	15,852,396,642	2,177,483,187	113.74%



Chỉ tiêu	Quý I năm 2019	Quý I năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10,619,851,647	9,800,461,196	819,390,451	108.36%
Chi phí thuê tài sản hoạt động	11,580,315,552	11,873,384,574	(293,069,022)	97.53%
Chi phí gắn và thay đồng hồ nước	6,057,200,288	8,595,963,030	(2,538,762,742)	70.47%
Chi phí chống thất thoát nước	1,529,294,367	1,064,778,892	464,515,475	143.63%
Chi phí cải tạo ống mục	353,440,290	463,165,611	(109,725,321)	76.31%
Chi phí sửa bể	1,901,316,559	756,535,093	1,144,781,466	251.32%
Chi phí khác	243,866,338	344,351,307	(100,484,969)	70.82%
Tổng chi phí sản xuất	231,274,126,800	222,492,209,341	8,781,917,459	103.95%
Giá vốn đã cung cấp	231,274,126,800	222,492,209,341	8,781,917,459	103.95%

b. Thuyết minh

Giá vốn cung cấp nước trong quý I năm 2019 so với quý I năm 2018 tăng 8.781.917.459 đồng, tỷ lệ tăng 103,95% do :

1. Giá mua si nước sạch tăng 6.822.193.554 đồng, tỷ lệ tăng 103,94% do:

Sản lượng nước mua si quý I năm 2019 tăng so với quý I năm 2018 là 742.334 m³ tỷ lệ tăng 102,16% làm giá mua si tăng 3.801.195.480 đồng

Giá mua si nước sạch tăng 88 đồng/m³, tỷ lệ tăng 101,74% làm cho chi phí mua si nước sạch tăng tương ứng 3.020.998.074 đồng

2. Chi phí nguyên vật liệu phục vụ công tác sửa bể và chống thất thoát nước tăng 395.595.380 đồng, tỷ lệ tăng 200,61%

3. Chi chí nhân công quý I năm 2019 tăng 2.177.483.187 đồng, tỷ lệ tăng 113,74% do quý I năm 2019, Công ty hạch toán quỹ lương theo kế hoạch tiền lương 2019 đã được phê duyệt, quý I năm 2018 hạch toán quỹ lương theo số lao động thực tế phát sinh (thấp hơn so với kế hoạch).

4. Chi phí khấu hao TSCĐ quý 1/2019 tăng so với quý 1/2018 là 819.390.451 đồng, tỷ lệ tăng 108,36%. (chi phí khấu hao tăng chủ yếu do tăng TSCĐ của các công trình XD CB TMOM của năm 2017)

5. Chi phí thuê TSCĐ quý I năm 2019 giảm so với quý I năm 2018 là 293.069.022 đồng, tỷ lệ giảm 2%

6. Chi phí gắn và thay ĐHN quý I năm 2019 giảm so với quý I năm 2018 là 2.538.762.742 đồng, tỷ lệ giảm 29,5% do năm 2019, Công ty không còn phải gánh chi phí phân bổ ĐHN của năm 2015.

7. Chi phí CTTN quý 1/2019 tăng so với quý 1/2018 là 464.515.475, tỷ lệ tăng 143,63%

8. Chi phí sửa bể quý 1/2019 tăng so với quý 1/2018 là 1.144.781.466 đồng, tỷ lệ tăng 251,32% do quý I năm 2019 Công ty thuê đơn vị bên ngoài dò và sửa bể nhằm kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước (cụ thể: quý I năm 2019 Công ty đã thuê ngoài dò và sửa bể là 1.919.441.853 đồng, quý I năm 2018 chi phí thuê ngoài là 724.327.349 đồng)

9. Chi phí khác giảm 100.484.969 đồng so với quý 1/2017, tỷ lệ giảm 29%

Giá vốn cung cấp dịch vụ quý I năm 2019 giảm so với quý I năm 2018 là 386.683.536 đồng, tỷ lệ giảm 12%

III. CHI PHÍ BÁN HÀNG

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý I năm 2019	Quý I năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	3,880,192,001	2,421,494,254	1,458,697,747	160.24%
Chi phí khấu hao	147,275,523	231,703,410	(84,427,887)	63.56%
Chi phí công cụ dụng cụ	149,935,981	562,464,691	(412,528,710)	26.66%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	351,671,713	430,140,009	(78,468,296)	81.76%
Cộng	4,529,075,218	3,645,802,364	883,272,854	124.23%

b. Thuyết minh:

Chi phí bán hàng quý 1 năm 2019 tăng 883.272.854 đồng so với quý 1 năm 2018, tỷ lệ tăng 124,23% do: chi phí nhân công tăng 1.458.697.747 đồng, tỷ lệ tăng 160,24% do quý 1 năm 2019, Công ty hạch toán quỹ lương theo kế hoạch tiền lương 2019 đã được phê duyệt, quý 1 năm 2018 hạch toán quỹ lương theo số lao động thực tế phát sinh (thấp hơn so với kế hoạch)

IV. CHI PHÍ QUẢN LÝ

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý I năm 2019	Quý I năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân viên quản lý	4,974,459,612	3,792,657,745	1,181,801,867	131.16%
Chi phí đồ dùng văn phòng	798,374,628	839,278,061	(40,903,433)	95.13%
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,132,707,527	987,203,299	145,504,228	114.74%
Thuế, phí và lệ phí	55,636,030	57,270,697	(1,634,667)	97.15%
Thuê đất	295,117,200	467,147,200	(172,030,000)	63.17%
Chi phí bằng tiền khác	2,855,806,362	2,029,740,784	826,065,578	140.70%
Cộng	10,112,101,359	8,173,297,786	1,938,803,573	123.72%

b. Thuyết minh:

Chi phí quản lý doanh nghiệp quý 1 năm 2019 tăng so với quý 1 năm 2018 là 1.938.803.573 đồng, tỷ lệ tăng 123,72% do:

1. Chi phí nhân công tăng 1.181.801.867 đồng, tỷ lệ tăng 131,16% do quý 1 năm 2019, Công ty hạch toán quỹ lương theo kế hoạch tiền lương 2019 đã được phê duyệt, quý 1 năm 2018 hạch toán quỹ lương theo số lao động thực tế phát sinh (thấp hơn so với kế hoạch)

2. Chi phí KHTSCĐ tăng 145.504.228 đồng, tỷ lệ tăng 114,74%

3. Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác quý 1/2019 tăng 826.065.578 đồng, tỷ lệ tăng 140,7% do quý 1 năm 2019, Công ty hạch toán trích trước chi phí tham quan nghỉ mát của quý 1 là 1.132.500.000 đồng, năm 2018 hạch toán toàn bộ chi phí tham quan nghỉ mát vào quý 3 năm 2018.

IV. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý I năm 2019	Quý I năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Tiền gửi có kỳ hạn	240,989,471	130,311,976	110,677,495	184.93%
Tiền gửi không kỳ hạn	8,870,251	12,669,689	(3,799,438)	70.01%
Cộng	249,859,722	142,981,665	106,878,057	174.75%

b. Thuyết minh:

Doanh thu hoạt động tài chính của quý 1 năm 2019 tăng so với quý 1 năm 2018 là 106.878.057 đồng, tỷ lệ tăng 174,75% do lượng tiền gửi có kỳ hạn đến kỳ đáo hạn của quý 1 năm 2019 cao hơn năm quý 1 năm 2018 làm cho lãi tiền gửi có kỳ hạn quý 1 năm 2019 cao hơn so với quý 1 năm 2018 là 110.677.495 đồng, tỷ lệ tăng 184,93%

IV. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý I năm 2019	Quý I năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí lãi vay	644,973,105	156,470,636	488,502,469	412.20%
Cộng	644,973,105	156,470,636	488,502,469	412.20%

b. Thuyết minh:

Chi phí hoạt động tài chính của quý 1 năm 2019 tăng so với quý 1 năm 2018 là 488.502.469 đồng, tỷ lệ tăng 412,2% do quý 1 năm 2019, Công ty phải trả lãi vay cho các dự án của năm 2017 (quý 1 năm 2018 chưa phát sinh khoản chi phí lãi vay của các dự án năm 2017)

V. THU NHẬP KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý I năm 2019	Quý I năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Thu nhập bán hồ sơ mời thầu	909,091	-	909,091	
Thu nhập khách hàng đầu tư ống cái không hoàn lại	110,352,758	94,725,121	15,627,637	116%
Thu nhập khác	10,722,858	13,177,810	(2,454,952)	81%
Cộng	121,984,707	107,902,931	14,081,776	113.05%

b. Thuyết minh:

Thu nhập khác của quý 1 năm 2019 biến động không đáng kể so với quý 1 năm 2018.

VI. CHI PHÍ KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý I năm 2019	Quý I năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí hồ sơ mời thầu	150,000	-	150,000	
Tiền phạt chậm nộp thuế TNDN theo BBKTNN 2017	92,367,240	-	92,367,240	
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	99,840,294	-	99,840,294	
Chi phí đầu tư không hoàn vốn ống cái	56,274,762	2,507,379	53,767,383	2244.4%
Chi phí khác	42,276	69,188,881	(69,146,605)	0.1%
Cộng	248,674,572	71,696,260	176,978,312	346.8%

b. Thuyết minh:

Chi phí khác của quý 1 năm 2019 tăng so với quý 1 năm 2018 là 176.978.312 đồng, tỷ lệ tăng 346,8% do:

1. Chi phí tiền phạt do chậm nộp thuế TNDN năm 2017 theo BB kiểm toán Nhà nước là 92.367.240 đồng
2. Chi phí thanh lý TSCĐ tăng 99.840.294 đồng
3. Chi phí ống cái tăng 53.767.383 đồng

VII. LỢI NHUẬN:

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý I năm 2019	Quý I năm 2018	Chênh lệch
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)
Lợi nhuận trước thuế TNDN gồm:	4,948,649,124	(2,998,500,961)	7,947,150,085
Lợi nhuận nước	4,415,134,844	(2,979,010,829)	7,394,145,673
Lợi nhuận cung cấp dịch vụ	1,055,317,528	(42,207,832)	1,097,525,360
Lợi nhuận HĐTC	(395,113,383)	(13,488,971)	(381,624,412)
Lợi nhuận khác	(126,689,865)	36,206,671	(162,896,536)
Thuế TNDN	888,880,686	-	888,880,686
Lợi nhuận sau thuế TNDN	4,059,768,438	(2,998,500,962)	7,058,269,400

b. *Thuyết minh:*

Qua phân tích các chỉ tiêu doanh thu - chi phí nêu trên thì lợi nhuận trước thuế của quý 1 năm 2019 là 4.948.649.124 đồng.

Người lập



Nguyễn Thị Kim Loan

Kế toán trưởng



Vũ Thị Như Quỳnh

Ngày 18 tháng 04 năm 2019

Giám Đốc



Huỳnh Tuấn Anh

